

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2024
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phong - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hùng Cường
- Ông Lê Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1996; Địa chỉ: tổ A, khu V, phường T, Quận B, Thành phố Cần Thơ;

2/. Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1991; Địa chỉ: số A khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Chị T có mặt tại phiên tòa, anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị T và anh V quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu và được hai bên gia đình chấp nhận mới tiến tới hôn nhân. Năm 2016, anh chị bắt đầu chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được UBND thị trấn C, huyện C, Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76, vào ngày 07/11/2016. Khi về chung sống với nhau thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau. Từ sau đó vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi nên gia đình dần mất đi hạnh phúc. Từ tháng 5/2023 chị T và anh V đã ly thân cho đến nay. Do không còn tình cảm với anh V, nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Tuấn V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 05/10/2019, hiện anh V đang nuôi cháu U, chị T đồng ý giao cháu U cho anh V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu U sau khi ly hôn. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn V vắng mặt, theo bản trình bày ý kiến và biên bản hòa giải anh V trình bày: Anh Nguyễn Tuấn V thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đầu năm 2023 do anh V đi làm ăn xa nên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi. Từ tháng 5/2023 chị T giã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay anh V xác định là vẫn còn tình cảm với chị T nên anh V không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo U, sinh ngày 05/10/2019, hiện anh V đang nuôi cháu U. Anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu U.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của chị và anh **V**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bị đơn anh **Nguyễn Tuấn V** có HKTT và nơi cư trú tại **khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** nên việc TAND huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố dân sự năm 2015

2. Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** và anh **Nguyễn Tuấn V** do quen biết nên tiến đến hôn nhân trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 76, vào ngày 07/11/2016, xác định hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **V** đi làm ăn xa nên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi. Từ tháng 5/2023 chị **T** giận bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với nhau cho đến nay. Tuy sau đó anh **V** có đến làm lành với chị **T** nhưng do mất niềm tin ở anh **V** nên không thể hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị **T** xác định là không còn tình cảm với anh **V**.

Xét yêu cầu của chị **T**, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị **T** và anh **V** phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc anh **V** đi làm ăn xa không có điều kiện quan tâm chăm sóc cho chị **T** nên vợ chồng mất niềm tin, bất đồng quan điểm dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử có phân tích động viên chị **T** trở về đoàn tụ nhưng chị **T** không đồng ý và tha thiết yêu cầu đề nghị Tòa án cho chị **T**

được ly hôn với anh **V**. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **V** đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai bên đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị **T** đề nghị Tòa án ly hôn với anh **V** là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

Tại biên bản tự khai ngày 04/4/2024, anh **Nguyễn Tuấn V** cho rằng anh còn tình cảm với chị **T** nên anh **V** không đồng ý ly hôn với chị **T**. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, thương yêu, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau nhưng anh **V** vì làm ăn kinh tế mà phải sống xa gia đình thiếu điều kiện quan tâm chăm sóc vợ con, từ đó mất niềm tin với chị **T** dẫn đến hay bất đồng quan điểm và cự cãi nhau. Đây là nguyên nhân dẫn đến cuộc hôn nhân anh, chị không hạnh phúc và sống ly thân với nhau. Mặc khác trong suốt một thời gian sống ly thân nhưng anh **V** cũng không có cách nào để anh chị đoàn tụ. Nếu buộc chị **T** trở về chung sống với anh **V** thì cũng không tạo được một gia đình hạnh phúc, bền vững. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **T** với anh **V** là phù hợp.

3. Về con chung: Chị **T** và anh **V** đều thống nhất trong quá trình anh chị chung sống với nhau như vợ chồng thì anh chị có 01 con chung tên **Nguyễn Ngọc Thảo U**, sinh ngày 05/10/2019. Hiện nay cháu **U** đang sống với anh **V**, nay anh **V** yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu **U** và không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con. Chị **T** cũng đồng ý giao cháu **U** cho anh **V** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu **U** sau khi ly hôn. Chị **T** không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Chị **T** được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **V** không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con và chị **T** cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** và anh **V** đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo chị **Nguyễn Thị Ngọc T** và anh **Nguyễn Tuấn V** được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho chị **Nguyễn Thị Ngọc T** ly hôn với anh **Nguyễn Tuấn V**.

2/. *Về con chung:* Tiếp tục giao con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Thảo U**, sinh ngày 05/10/2019 cho anh **V** trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị **T** được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **V** không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con và chị **T** cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

3/. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị **T** và anh **V** đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/. *Về án phí:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** phải nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

số 0002309 ngày 02/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.
Chị **T** đã nộp xong.

5/. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp(1);
- Viện kiểm sát nhân dân H Châu Thành(1);
- Chi cục THA DS. H Châu Thành(1);
- UBND TT. Cái Tàu Hạ.(số 76/2016)
- Lưu hồ sơ HNGĐ(1);
- Lưu Văn thư(1).(P)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH PHONG